

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/05/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lữ Kim Hằng**

2/ Bà **Đặng Thị Lan**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa  
án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia  
phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ,  
tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2021/TLST-  
HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4  
năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng  
4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Anh T, sinh năm: 1991

HKTT: đội 16, thôn 16, xã H Đ, huyện K P, tỉnh Đ L.

Nơi cư trú: số 11A/6/2, tổ 18, khu phố 6, phường L B, thành phố B H, tỉnh  
Đ N.

- *Bị đơn*: Chị Phan Thị H, sinh năm: 1990

HKTT và nơi cư trú: tổ 3, khu phố S C, thị trấn L G, huyện C M, tỉnh Đ  
N.

(anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt  
không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải  
nguyên đơn anh Hoàng Anh T trình bày:

Năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, anh Hoàng Anh T và chị Phan Thị H tiến  
tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L G (nay là thị trấn L G),

huyện C M, tỉnh Đ N. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình chị H đến tháng 02/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm từ vấn đề lựa chọn nơi sinh sống của vợ chồng. Bản thân anh T muốn ra ở riêng để vợ chồng tự lập nhưng chị H vẫn muốn ở chung cùng ba mẹ chị H, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều quan điểm trái ngược nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Đến tháng 8/2021 thì vợ chồng sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Phan Ngọc T1, sinh ngày 03/10/2018, hiện cháu đang ở cùng chị H. Nay anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị H thống nhất với trình bày của anh T về quá trình hôn nhân. Tuy nhiên, về mâu thuẫn thì chị H khai rằng quá trình chung sống vợ chồng bất đồng không thống nhất được về cuộc sống sinh hoạt của gia đình, không có tiếng nói chung, ngoài ra chị cũng phát hiện anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hòa giải đoàn tụ, nên chị H đồng ý ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Phan Ngọc T1, sinh ngày 03/10/2018, hiện đang do chị nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T hàng tháng cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành pháp luật, tuy nhiên bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Hoàng Anh T ly hôn chị Phan Thị H; về con chung: giao cháu Hoàng Phan Ngọc T1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với chị Phan Thị H. Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 3, khu phố S C, thị trấn L G, huyện C M, tỉnh Đ N. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với chị Phan Thị H nhưng chị H vắng mặt không có lý do, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Anh T và chị Phan Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L G (nay là thị trấn L G), huyện C M, tỉnh Đ N theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 24/02/2017 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng không thống nhất được về cuộc sống sinh hoạt của gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 8/2021. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh Hoàng Anh T và chị Phan Thị H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phan Ngọc T1, sinh ngày 03/10/2018. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có yêu cầu anh T hàng tháng cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng.

Nhận thấy, cả anh T và chị H đều có việc làm, thu nhập và nơi cư trú ổn định nhưng xét về tính chất công việc thì anh T là một quân nhân nên thời gian giành cho việc chăm sóc con cái ít nhiều cũng ảnh hưởng, còn chị H là giáo viên mầm non nên sẽ thuận lợi hơn trong việc chăm sóc con. Mặt khác, cháu Hoàng Phan Ngọc T1, sinh ngày 03/10/2018, tuổi còn rất nhỏ vẫn cần sự chăm sóc nhiều của người mẹ nên giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H ước tính chi phí hợp lý để nuôi dưỡng cháu T1 mỗi tháng khoảng 4.400.000 đồng, trong đó cụ thể: Tiền chi phí ăn uống 2.000.000 đồng; Tiền sữa 700.000 đồng; Tiền học 700.000 đồng; Tiền chi phí mua quần áo, đồ chơi và những nhu cầu phát sinh khác (ốm đau, bệnh tật...) 1.000.000 đồng. Ngoài ra, còn có khoản tiền bảo hiểm nhân thọ cho cháu T1 là 9.000.000 đồng/năm. Xét thấy, vợ chồng đều có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào thu nhập thực tế của các bên, căn cứ vào nhu cầu về ăn, mặc, học hành, vui chơi giải trí... thực tế của cháu T1, căn cứ vào mức sống bình quân nơi địa phương cháu T1 sinh sống, Hội đồng xét xử thấy rằng bình quân mỗi tháng cần phải chi phí số tiền 4.400.000 đồng để nuôi dưỡng cháu T1 là cần thiết. Chị H đã trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Hoàng Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Anh Tuấn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Anh T được ly hôn với chị Phan Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Phan Ngọc T1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị Phan Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Anh T có nghĩa vụ hàng tháng cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Anh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0000858 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Anh Hoàng Anh T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND tt Long Giao, h Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký và đóng dấu)

**Trương Thị Thùy Trang**